Vietcap

Mở tài khoản

Cập nhật

CTCP Dịch vụ Hàng không Taseco (AST) KHẢ QUAN +14,6%

Ngành	**DV Hàng không**
Ngày báo cáo	**27/08/2024**
Giá hiện tại	57.600 VND
Giá mục tiêu	**64.500 VND**
Giá mục tiêu gần nhất	68.100 VND
TL tăng	+12,0%
Lợi suất cổ tức	2,6%
Tổng mức sinh lời	+14,6%
GT vốn hóa	2,6 nghìn tỷ đồng
Room KN	175 tỷ đồng
GTGD/ngày (30n)	0,7 tỷ đồng
Cổ phần Nhà nước	0,0%
SL cổ phiếu lưu hành	45,0tr
Pha loãng	45,0tr

	AST	VNI
P/E (trượt)	21,4x	15,5x
P/B (hiện tại)	5,2x	1,7x
ROA	16,5%	1,9%
ROE	24,7%	12,3%

Tổng quan Công ty

AST hoạt động trong 2 lĩnh vực chính là (1) bán lẻ tại sân bay (miễn thuế và không miễn thuế) với các cửa hàng tại 7 sân bay đông nhất tại Việt Nam và (2) điều hành khách sạn với một khách sạn 4 sao tại Đà Nẵng. Ngoài ra, công ty còn có công ty liên kết là CTCP Dịch vụ suất ăn Hàng không Việt Nam (VINACS) cung cấp dịch vụ ăn uống tại các sân bay.

Diễn biến giá cổ phiếu

Nguyễn Thị Ngọc Hân
Chuyên viên

Nguyễn Thảo Vy
Trưởng phòng cao cấp

	2023	2024F	2025F	2026F
Doanh thu (tỷ đồng)	1.100	1.419	1.674	1.883
% YoY	82%	29%	18%	13%
LNST - CĐTS (tỷ đồng)	116	158	226	266
% YoY	160%	37%	43%	18%
EPS % YoY	160%	37%	43%	18%
Biên LN gộp	58,1%	61,2%	62,2%	62,1%
Biên EBITDA	17,6%	18,7%	19,8%	19,4%
Biên LN từ HĐKD	14,3%	16,6%	17,8%	17,6%
Biên LN ròng	10,5%	11,1%	13,5%	14,1%
DTTD/Doanh thu	8,6%	10,9%	11,3%	11,3%
EV/EBITDA	11,4x	7,6x	5,6x	4,6x
P/E	23,1x	16,9x	11,8x	10,0x
P/B	4,4x	3,6x	2,9x	2,4x
ROE	23,6%	27,8%	28,8%	26,7%

Biên lợi nhuận giảm do chính sách chia sẻ doanh thu

- Chúng tôi điều chỉnh giảm 5% giá mục tiêu xuống 64.500 đồng/cổ phiếu và hạ khuyến nghị của chúng tôi đối với AST từ MUA xuống KHẢ QUAN. Giá cổ phiếu AST đã tăng 10% trong 5 tháng qua. Chúng tôi điều chỉnh giảm giá mục tiêu là do dự báo LNST sau lợi ích CĐTS cho năm 2024/25/26 giảm lần lượt 27%/17%/15%, một phần được bù đắp bằng việc chúng tôi cập nhật giá mục tiêu từ cuối năm 2024 sang giữa năm 2025.
- Trong năm 2024, chúng tôi (1) điều chỉnh giảm dự báo doanh số/cửa hàng xuống 7,7 tỷ đồng (so với 8,0 tỷ đồng trước đó) do tâm lý tiêu dùng kém khả quan hơn so với dự kiến và sự phục hồi chưa hoàn toàn của lượng du khách Trung Quốc chi tiêu cao, và (2) điều chỉnh giảm dự báo lợi nhuận của VINACS - dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không do AST sở hữu 26,7%, do ảnh hưởng tái cấu trúc của khách hàng lớn nhất là Bamboo Airways.
- Trong dài hạn, chúng tôi kỳ vọng chi phí thuê mặt bằng của AST tăng do chính sách chia sẻ doanh thu của ACV, một phần được bù đắp bởi số lượng cửa hàng mở mới nhiều hơn trong trung hạn.
- Chúng tôi sử dụng dự báo nội bộ của Vietcap với lượng hành khách hàng không quốc tế sẽ đạt 45/49/53 triệu lượt vào năm 2024/25/26 (so với 40/46/50 triệu lượt trước đó) và hành khách nội địa đạt 74/85/95 triệu lượt (so với 80/85/95 triệu lượt trước đó).
- Giá mục tiêu của chúng tôi tương ứng với P/E trung bình năm 2024/25 là 16,3 lần. Chúng tôi cho rằng AST phù hợp với định giá cao hơn P/E trượt trung bình giai đoạn 2018-2019 là 15,0 lần trong quá trình lợi nhuận phục hồi, với dự báo tăng trưởng LNST hàng năm đạt 32% trong giai đoạn 2023-2026.
- **Rủi ro:** Lượng du khách quốc tế từ Trung Quốc hoặc Việt Nam thấp hơn dự kiến.

Lượng hành khách quốc tế phục hồi mạnh, trong khi lượng hành khách trong nước giảm so với cùng kỳ. Trong nửa đầu năm 2024, lượng hành khách quốc tế tăng mạnh 40% YoY đạt 20,3 triệu, với lượng khách quốc tế và Trung Quốc lần lượt đạt 104% và 76% so với mức trước COVID. Dựa trên những kết quả tích cực này, chúng tôi tăng dự báo lượng hành khách quốc tế năm 2024 lên 45 triệu (so với 40 triệu trong dự báo trước đây). Ngược lại, chúng tôi điều chỉnh giảm dự báo lượng hành khách trong nước xuống còn 74 triệu (so với 80 triệu trong dự báo trước đây), do kết quả nửa đầu năm 2024 không đạt kỳ vọng của chúng tôi, giảm 18% YoY do máy bay đang được sửa chữa và tâm lý tiêu dùng yếu hơn dự kiến.

Chính sách chia sẻ doanh thu của ACV ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của AST nhưng sẽ cải thiện lợi thế đấu thầu của công ty. Kể từ năm 2023, chính sách này đã dần thay thế phí thuê cố định, hiện áp dụng cho 95% các cửa hàng của AST, theo thông tin tại ĐHCĐ năm 2024 của AST. Cấu trúc phí mới bao gồm cả chi phí thuê cố định và chia sẻ doanh thu, làm tăng tỷ lệ phí thuê/doanh thu bán lẻ lên hơn 15%, so với mức 8-9% trước COVID (**Hình 5**). Chi tiết về cách tính phí vẫn chưa được công bố. Theo AST, trong khi chính sách mới này làm giảm biên lợi nhuận, chính sách này cũng sẽ có lợi cho quy mô của AST, giúp công ty cạnh tranh trong việc đấu thầu hoặc mở cửa hàng mới vì các nhà bán lẻ quy mô nhỏ sẽ gặp khó khăn hơn trong việc chịu chi phí và việc một nhà bán lẻ chỉ vận hành một hoặc hai cửa hàng trở nên bất khả thi.

AST đặt mục tiêu tăng gấp đôi diện tích trong trung hạn, vượt kỳ vọng trước đây của chúng tôi. Cùng với việc tận dụng lợi thế của chính sách chia sẻ doanh thu, hiện chúng tôi dự báo AST sẽ mở 54 cửa hàng mới trong giai đoạn 2024-2028, nhiều hơn 10 cửa hàng so với kỳ vọng trước đây của chúng tôi.

Hình 1: Doanh thu của AST (tỷ đồng)

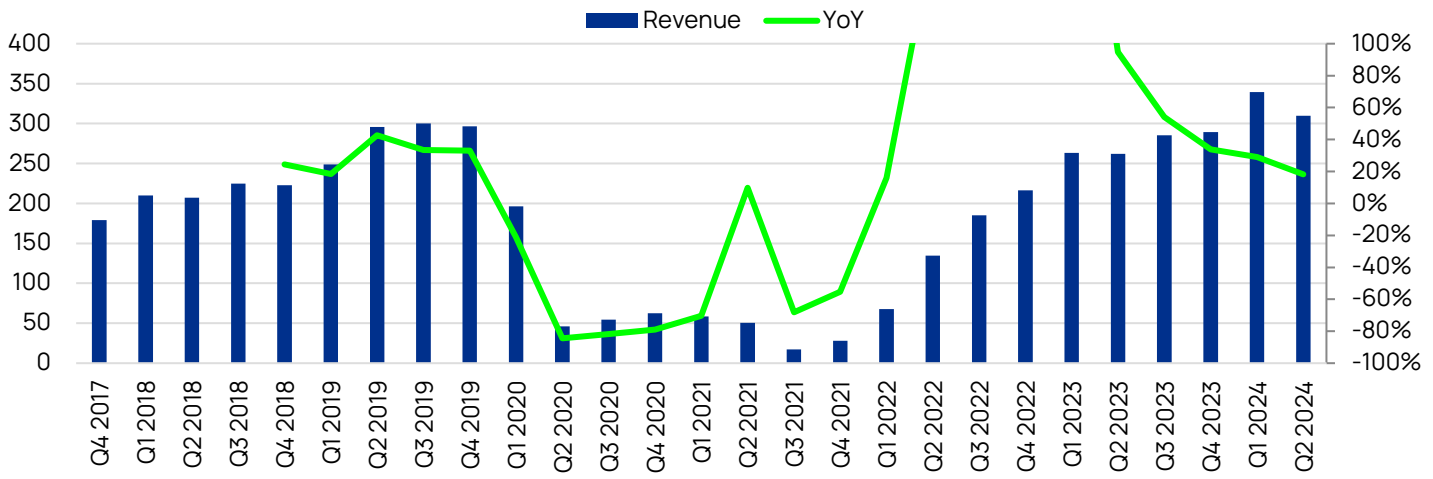

Nguồn: AST, Vietcap

Hình 2: LNST sau lợi ích CĐTS của AST (tỷ đồng)

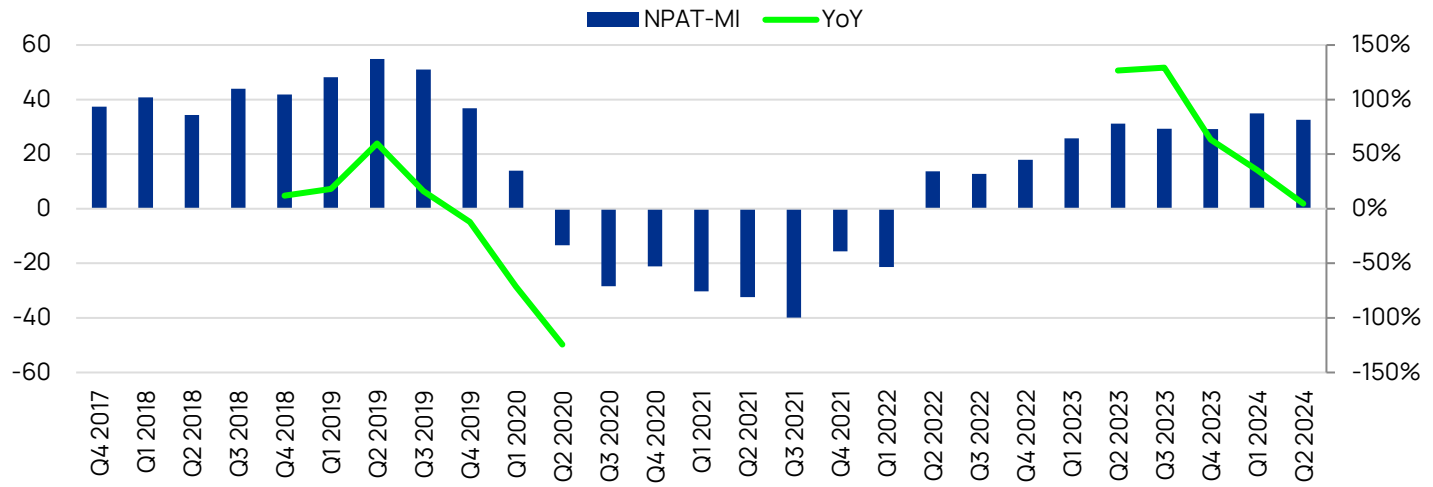

Nguồn: AST, Vietcap

Hình 3: Lượng khách nước ngoài đến Việt Nam hàng tháng

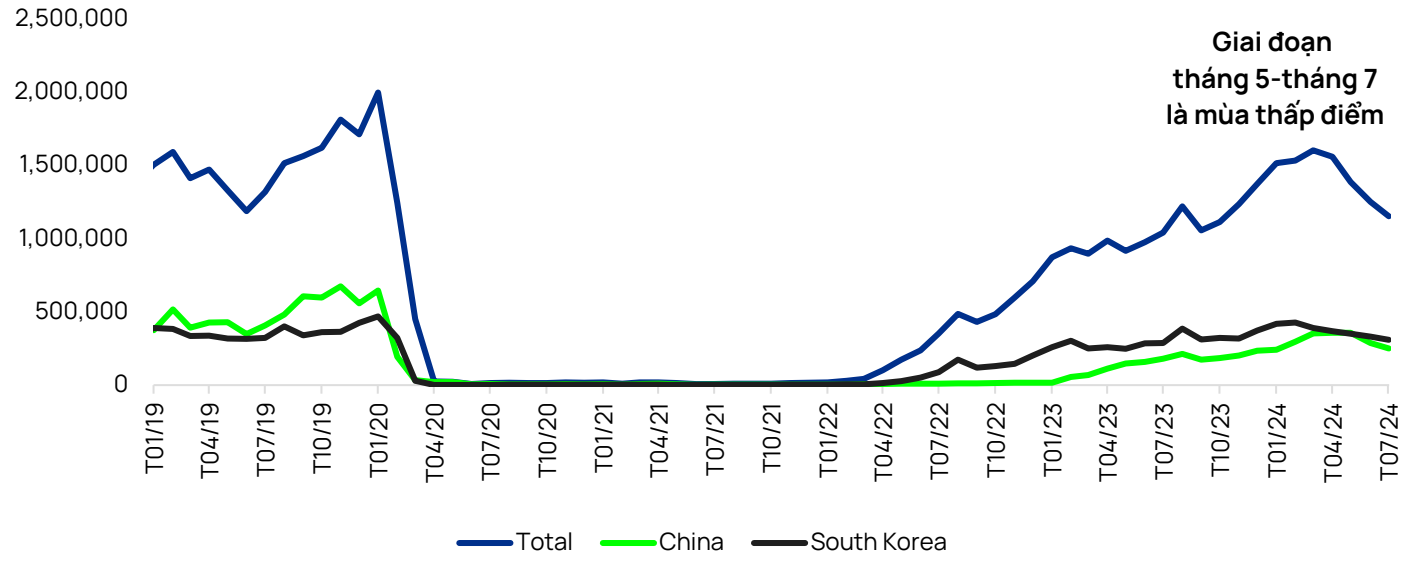

Nguồn: Tổng cục Thống kê (TCTK), Vietcap

Dự báo năm 2024: Chính sách chia sẻ lợi nhuận ảnh hưởng biên lợi nhuận

Hình 4: Dự báo năm 2024 của Vietcap

Tỷ đồng	2023	Dự báo 2024 mới	Dự báo 2024 mới YoY	Dự báo 2024 cũ	Nhận định của Vietcap đối với dự báo năm 2024
Số lượng cửa hàng	120	126	5%	126	
Doanh thu	**1.100**	**1.419**	**29%**	**1474**	* Chúng tôi điều chỉnh doanh thu/cửa hàng xuống còn 7,7 tỷ đồng (so với 8,0 tỷ đồng trong dự báo trước đây) do tâm lý người tiêu dùng yếu hơn dự kiến và lượng khách du lịch Trung Quốc chưa phục hồi hoàn toàn.
Trong đó:					
Bán lẻ sân bay	1.000	1.299	30%	1355	
Khách sạn	38	71	90%	71	
Lợi nhuận gộp	**639**	**868**	**36%**	**904**	
Chi phí bán hàng & quản lý (SG&A)	-482	-633	31%	-617	* Chi phí thuê cao hơn do chính sách chia sẻ doanh thu của ACV **(Hình 5)**, hiện áp dụng cho 95% cửa hàng của AST.
Lợi nhuận từ HĐKD	**158**	**235**	**49%**	**287**	
Thu nhập tài chính	17	21	21%	21	
Chi phí tài chính	-5	-5	6%	-4	
Lợi nhuận/(lỗ) chia sẻ từ các công ty LDLK	0	5	N.M	13	* Chúng tôi giảm dự báo lợi nhuận ròng cho VinaCS xuống còn 9 tỷ đồng (từ mức 41 tỷ đồng trong dự báo trước đây) do KQKD nửa đầu năm 2024 không đạt kỳ vọng của chúng tôi, chủ yếu là do việc tái cấu trúc khách hàng lớn nhất của công ty – Bamboo Airways. * Tuy nhiên, chúng tôi kỳ vọng sẽ có sự cải thiện trong tương lai khi Bamboo Airways dần ổn định và các khách hàng khác chuyển sang Sân bay Quốc tế Nội Bài – nơi VINACS hoạt động.
LNTT	**178**	**263**	**48%**	**326**	
LNST sau lợi ích CĐTS, báo cáo	**116**	**158**	**37%**	**216**	
Biên lợi nhuận gộp	58,1%	61,2%		61,3%	* Cao hơn mức 54,2% năm 2019 do (1) đóng góp doanh thu lớn hơn từ hành khách quốc tế có biên lợi nhuận cao hơn, (2) tối ưu hóa cơ cấu sản phẩm tại các cửa hàng và (3) thay đổi mô hình cửa hàng (ví dụ: chuyển đổi nhà hàng ăn tại chỗ sang quầy hàng mang đi).
Chi phí SG&A/doanh thu	-43,8%	-44,6%		-41,9%	
Biên lợi nhuận từ HĐKD	14,3%	16,6%		19,4%	
Biên lợi nhuận ròng	10,5%	11,1%		14,7%	

Nguồn: AST, dự báo của Vietcap

Hình 5: Phí thuê/doanh thu bán lẻ

Trước dịch COVID-19 (phí thuê cố định)	2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025
8-9%	14,5%	14,75%	>15%

Nguồn: AST, Vietcap

Định giá

Trong Báo cáo Cập nhật này, chúng tôi tiếp tục sử dụng phương pháp định giá tổng của từng phần (SoTP) để định giá cho AST. Ngoài ra, chúng tôi cập nhật mô hình định giá sang giữa năm 2025.

Phương pháp định giá SoTP của chúng tôi bao gồm:

- Định giá chiết khấu dòng tiền (CKDT) trong 7 năm cho các HĐKD cốt lõi của AST (bán lẻ tại sân bay: không miễn thuế và miễn thuế, và kinh doanh khách sạn): Trong Báo cáo cập nhật này, chúng tôi giữ năm cuối trong mô hình định giá DCF là năm 2030 để nắm bắt sự phục hồi dự kiến của chúng tôi đối với ngành hàng không và cơ hội để AST mở thêm cửa hàng tại các nhà ga mới và nâng cấp sắp tới.

- Phương pháp P/E đối với công ty liên kết của AST, công ty cung cấp thực phẩm hàng không VINACS. Chúng tôi áp dụng tỷ lệ P/E mục tiêu là 14,7 lần — là mức trung bình giai đoạn 2018-2019 của P/E trung bình 2 năm của một số công ty cùng ngành trong nước.

Hình 6: Tóm tắt định giá

Tỷ đồng	Phương pháp định giá	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị đóng góp
HĐKD cốt lõi của AST	CKDT	2.773	100,0%	2.773
CTLK của AST, VINACS	EPS dự phóng trung bình giai đoạn 2024-25 tại P/E là 14,7 lần	482	26,7%	129
Tổng GT VCSH				**2.857**
SL cổ phiếu (triệu)				45
Giá mục tiêu (đồng)				**64.500**
PE 2023 tại giá mục tiêu				26,3x
PE 2024 tại giá mục tiêu				19,2x
PE 2025 tại giá mục tiêu				13,4x

Nguồn: Vietcap

HĐKD cốt lõi của AST

Hình 7: HĐKD cốt lõi của AST — Tóm tắt định giá CKDT (tỷ đồng)

Chi phí vốn	Trước đó	Điều chỉnh	Dự báo dòng tiền tự do	Tỷ đồng
Beta	1,0	1,0	**GTHT của DTTD**	**1.067**
Phần bù rủi ro thị trường %	8,0	8,0	GTHT của GTC (TT 2,0%)	1.452
Tỷ lệ phi rủi ro %	6,0	6,0	**GTHT của DTTD và GTC**	**2.519**
Chi phí VCSH %	14,0	14,0	+ Tiền mặt & đầu tư ngắn hạn	397
Chi phí nợ vay %	9,5	9,5	- Nợ vay	-48
Nợ vay %	0,0	0,0	- Lợi ích CĐTS	-95
VCSH %	100,0	100,0	**Giá trị VCSH**	**2.773**
Thuế DN %	20,0	20,0	Cổ phiếu (triệu)	45
WACC %	**14,0**	**14,0**	**Giá trị/cổ phiếu, đồng**	**61.611**

Nguồn: Vietcap

Hình 8: HĐKD cốt lõi của AST — dự báo DTTD (tỷ đồng)

Tỷ đồng	2023	2024F	2025F	2026F	2027F	2028F	2029F	2030F
Lợi nhuận từ HĐKD trừ thuế	**126**	**188**	**238**	**265**	**299**	**344**	**391**	**455**
- Chi phí TSCĐ	-42	-69	-75	-79	-100	-113	-97	-100
+ Khấu hao	27	30	34	34	36	37	45	53
- Tăng vốn HĐKD	-17	5	-8	-8	-9	-11	-13	-8
Dòng tiền tự do	**95**	**154**	**189**	**212**	**226**	**256**	**325**	**400**
GTHT của DTTD		144	155	153	143	142	158	171
GTHT lũy kế của DTTD		**144**	**300**	**452**	**596**	**738**	**896**	**1.067**

Nguồn: Vietcap

Hình 9: P/E trượt của AST

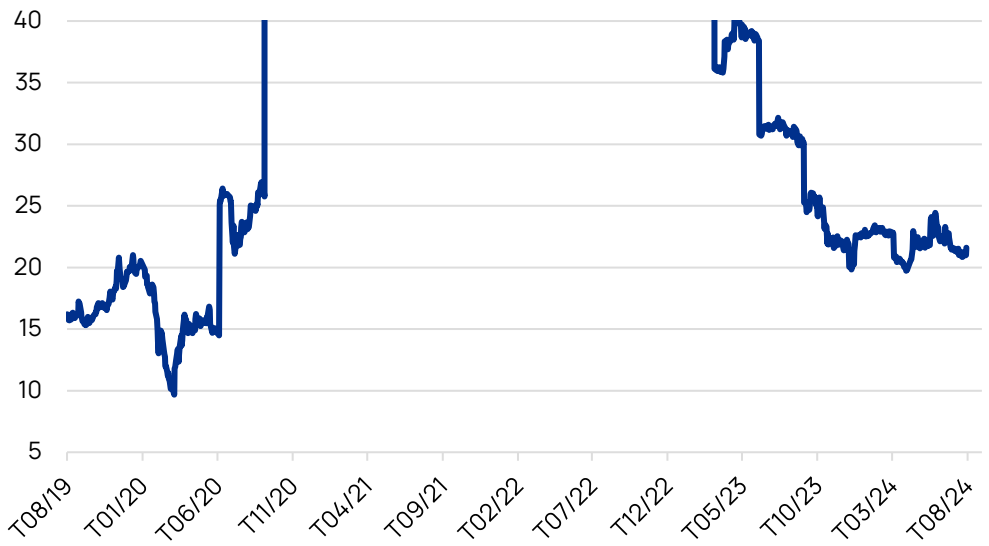

Nguồn: FiinPro, Vietcap

Diễn biến khuyến nghị

Hình 10: Lịch sử giá mục tiêu của Vietcap và giá cổ phiếu (đồng, điều chỉnh cho việc chia tách cổ phiếu)

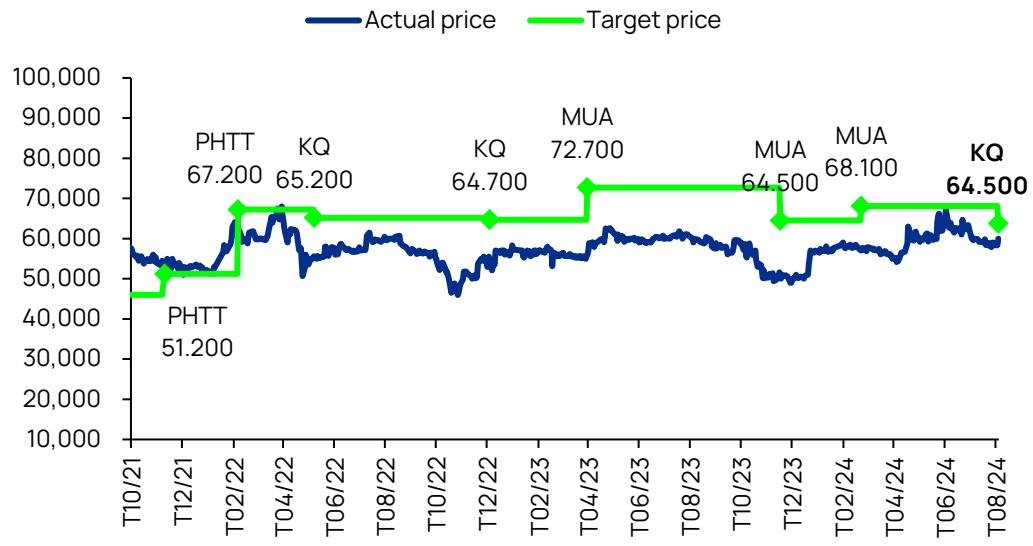

Nguồn: FiinPro, Vietcap

Báo cáo Tài chính

KẾT QUẢ LỢI NHUẬN (tỷ đồng)	2023	2024F	2025F	2026F
Doanh thu	**1.100**	**1.419**	**1.674**	**1.883**
Giá vốn hàng bán	-460	-550	-633	-714
Lợi nhuận gộp	**639**	**868**	**1.040**	**1.170**
Chi phí bán hàng	-314	-428	-506	-578
Chi phí quản lí DN	-168	-205	-237	-260
LN thuần HĐKD	**158**	**235**	**298**	**332**
Thu nhập tài chính	17	21	27	33
Chi phí tài chính	-5	-5	-4	-4
Trong đó, chi phí lãi vay	-2	-2	-3	-3
Lợi nhuận từ công ty LDLK	0	5	20	33
Lỗ/lãi thuần khác	7	7	8	8
LNTT	**178**	**263**	**348**	**401**
Thuế TNDN	-27	-53	-70	-80
LNST trước CĐTS	**151**	**211**	**279**	**321**
Lợi ích CĐ thiểu số	35	53	53	55
LNST sau lợi ích CĐTS, báo cáo	**116**	**158**	**226**	**266**
LNST sau lợi ích CĐTS, điều chỉnh [1]	**114**	**156**	**224**	**264**
EBITDA	193	265	332	365
EPS báo cáo, VND	2.568	3.508	5.017	5.917
EPS điều chỉnh, VND [1]	2.491	3.403	4.867	5.740
EPS pha loãng, VND [1]	2.491	3.403	4.867	5.740
DPS, VND	500	1.500	2.500	2.500
DPS/EPS (%)	19,5%	42,8%	49,8%	42,2%

[1] Điều chỉnh cho các khoản bất thường

TỶ LỆ	2023	2024F	2025F	2026F
Tăng trưởng				
Tăng trưởng doanh thu	82%	29%	18%	13%
Tăng trưởng LN HĐKD	360%	49%	26%	11%
Tăng trưởng LNTT	353%	48%	32%	15%
Tăng trưởng EPS, điều chỉnh	160%	37%	43%	18%
Khả năng sinh lời				
Biên LN gộp %	58%	61%	62%	62%
Biên LN từ HĐ %	14%	17%	18%	18%
Biên EBITDA	18%	19%	20%	19%
LN ròng trừ CĐTS điều chỉnh	11%	11%	13%	14%
ROE %	22%	24%	28%	27%
ROA %	17%	19%	22%	21%
Chỉ số hiệu quả vận hành				
Số ngày tồn kho	58,4	73,4	80,2	81,9
Số ngày phải thu	20,7	14,9	13,5	13,8
Số ngày phải trả	36,9	42,2	44,6	46,0
TG luân chuyển tiền	42,3	46,1	49,1	49,7
Thanh khoản				
CS thanh toán hiện hành	3,1	3,3	3,5	3,9
CS thanh toán nhanh	2,4	2,6	2,8	3,1
CS thanh toán tiền mặt	2,1	2,3	2,5	2,8
Nợ/Tài sản	3%	4%	3%	3%
Nợ/Vốn sử dụng	4%	5%	4%	4%
Nợ/Vốn CSH	-54%	-60%	-61%	-63%
Khả năng thanh toán lãi vay	83,5	111,7	116,1	123,4

BẢNG CĐKT (tỷ đồng)	2023	2024F	2025F	2026F
Tiền và tương đương	101	232	340	486
Đầu tư TC ngắn hạn	240	240	240	240
Các khoản phải thu	59	57	67	75
Hàng tồn kho	94	128	151	170
TS ngắn hạn khác	20	15	17	19
Tổng TS ngắn hạn	**513**	**671**	**815**	**990**
TS dài hạn (gộp)	311	380	455	534
- Khấu hao lũy kế	-191	-221	-255	-288
TS dài hạn (ròng)	120	159	200	246
Đầu tư TC dài hạn	69	69	69	69
TS dài hạn khác	52	37	44	49
Tổng TS dài hạn	**241**	**265**	**313**	**363**
Tổng Tài sản	**754**	**936**	**1.127**	**1.353**
Phải trả ngắn hạn	61	74	87	98
Nợ ngắn hạn	24	32	34	36
Nợ ngắn hạn khác	79	98	113	123
Tổng nợ ngắn hạn	164	204	233	256
Nợ dài hạn	2	5	5	5
Nợ dài hạn khác	0	0	0	0
Tổng nợ	**167**	**209**	**238**	**261**
Cổ phiếu ưu đãi	0	0	0	0
Vốn cổ phần	450	450	450	450
Thặng dư vốn CP	0	0	0	0
Lợi nhuận giữ lại	55	143	251	400
Vốn khác	0	0	0	0
Lợi ích CĐTS	82	135	188	242
Vốn chủ sở hữu	**588**	**728**	**889**	**1.092**
Tổng cộng nguồn vốn	**754**	**936**	**1.127**	**1.353**
Số CP lưu hành cuối năm (tr)	45	45	45	45
Số CP quỹ (tr)	0	0	0	0

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ đồng)	2023	2024F	2025F	2026F
Tiền đầu năm	**73**	**101**	**232**	**340**
Lợi nhuận sau thuế	178	211	279	321
Khấu hao	36	30	34	34
Thay đổi vốn lưu động	17	5	-8	-8
Điều chỉnh khác	-52	0	0	0
Tiền từ hoạt động KD	**178**	**245**	**305**	**346**
Chi mua sắm TSCĐ, ròng	-42	-69	-75	-79
Đầu tư	-83	16	-7	-5
Tiền từ HĐ đầu tư	**-125**	**-53**	**-82**	**-84**
Cổ tức đã trả	-13	-68	-113	-113
Tăng (giảm) vốn cổ phần	0	0	0	0
Tăng (giảm) nợ ngắn hạn	-7	8	2	2
Tăng (giảm) nợ dài hạn	-5	2	0	0
Tiền từ các hoạt động TC khác	0	-3	-5	-5
Tiền từ hoạt động TC	**-25**	**-60**	**-115**	**-116**
Tổng lưu chuyển tiền tệ	**28**	**131**	**108**	**146**
Tiền cuối năm	**101**	**232**	**340**	**486**

Nguồn: AST, dự báo của Vietcap

Xác nhận của chuyên viên phân tích

Tôi, Nguyễn Thị Ngọc Hân, xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi đối với các công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại)/giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Vietcap

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính
Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Quận 1, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Chi nhánh Hà Nội
109 Trần Hưng Đạo
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Nguyễn Huệ
Tòa nhà Vinatex,
Tầng 1&3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Quận 1, TP. HCM
+84 28 3914 3588 (417)

Phòng giao dịch Hàm Nghi
Tòa nhà Doji,
Tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Quận 1, Tp. HCM
+84 28 3914 3588 (400)

Phòng giao dịch Đống Đa
9 ngõ 82 Phạm Ngọc Thạch,
Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, HN
+84 24 6262 6999

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588
research@vietcap.com.vn

Alastair Macdonald
Giám đốc điều hành, ext 105
alastair.macdonald@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm
Nguyễn Anh Duy
Trưởng phòng cao cấp, ext 123
- Huỳnh Thị Hồng Ngọc, Chuyên viên cao cấp, ext 138
- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516
- Trịnh Thị Thu Hoài, Chuyên viên, ext 116

Vĩ mô
Hoàng Thúy Lương
Trưởng phòng cao cấp, ext 368
- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 368

Hàng tiêu dùng
Hoàng Nam
Phó Giám đốc, ext 124
- Huỳnh Thu Hà, Chuyên viên cao cấp, ext 185
- Mai Đoàn Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 538
- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên, ext 532

Dầu khí, Điện và Nước
Đinh Thị Thùy Dương
Phó Giám đốc, ext 140
- Dương Tấn Phước, Chuyên viên, ext 135
- Võ Đặng Bảo Thư, Chuyên viên, ext 529
- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên, ext 181

Bất động sản
Lưu Bích Hồng,
Trưởng phòng cao cấp, ext 120
- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên, ext 149
- Thân Như Đoan Thục, Chuyên viên, ext 174

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng
Nguyễn Thảo Vy
Trưởng phòng cao cấp, ext 147
- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191
- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân
Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363
- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Chuyên viên cao cấp, ext 129
- Tống Hoàng Trâm Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 366
- Vũ Thị Minh Ngọc, Chuyên viên, ext 365
- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570

Khối môi giới và Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

Tuan Nhan
Giám đốc điều hành
Khối môi giới và Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức
+84 28 3914 3588, ext 107
tuan.nhan@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh
Giám đốc điều hành
Khối Môi giới trong nước
+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vietcap.com.vn

Nguyễn Quốc Dũng,
Giám đốc
Giao dịch Chứng khoán - Khách hàng tổ chức
+84 28 3914 3588, ext 136
dung.nguyen@vietcap.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.